

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2023/HS-PT

Ngày: 30-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 201/2023/TLPT-HS ngày 10/10/2023 đối với bị cáo Hoàng Thị Th cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Hoàng Thị Th**, sinh ngày: 27/7/1960, tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 05, đường LTT, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Số 39 đường ĐTH, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Đà Lạt); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng R (chết) và bà Đỗ Thị M (chết); chồng: Trịnh Xuân Tr, sinh năm 1960, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Th**, sinh ngày: 12/7/1981, tại Lâm Đồng, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 01A, đường TTH, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: số 73/9 đường HD, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu V (chết) và bà Đỗ Thị M (chết); có chồng: Nguyễn Thanh Tr, sinh năm: 1978, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 18/11/2022 đến ngày 15/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

3. Họ và tên: **Vũ Quang L**, sinh ngày: 05/10/1960, tại Kiên Giang, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4, đường Số 5, khu Chánh Hưng, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ng (chết) và bà Nguyễn Thị B (chết); có vợ: Nguyễn Thị Lê Th, sinh năm: 1963, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1991, địa chỉ: Số 4, đường Số 5, khu Chánh Hưng, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có đơn xin xét xử mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Th:*

+ Luật sư Lê Cao Tánh - Văn phòng Luật sư Bá Tánh; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

+ Luật sư Huỳnh Phước Hiệp - Công ty Luật TNHH Hãng Luật Hiệp Định - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

+ Luật sư Trịnh Hoàng Bình – Công ty Luật TNHH HQC – Chi nhánh Hà Nội. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th:*

+ Luật sư Huỳnh Phước Hiệp - Công ty Luật TNHH Hãng Luật Hiệp Định - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

+ Luật sư Nguyễn Thị Mai Ca - Công ty Luật TNHH Hãng Luật Hiệp Định - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

+ Luật sư Vũ Thị Bích Hải - Công ty Luật Hợp danh Việt Nam Vinalaw Firm - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Quang L:*

+ Luật sư Trần Thị Kim Chi - Công ty Luật TNHH Hãng Luật Hiệp Định - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt và gửi bài bào chữa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 06/2018, Vũ Quang L từ Thành phố Hồ Chí Minh lên thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được người môi giới dẫn đến gặp Nguyễn Thị Hồng Th để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 41 đường

Đình Tiên Hoàng, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Khi gặp nhau, Thủy đưa 02 bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Liêm xem và nói tài sản trên đứng tên của Hoàng Thị Th là chị cùng mẹ khác cha với Thủy, Thương giao cho Thủy giao dịch bán tài sản với người khác. Liêm xem giấy tờ xong, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên với giá 29.500.000.000đ. Sau đó, Liêm, Thủy và Thương thống nhất là Thủy sẽ thay mặt Thương làm việc với Liêm cho đến khi ký hợp đồng chuyển nhượng, còn Thương sẽ là người ký các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên với Liêm.

Sau khi Thủy và Liêm thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Số 41 đường Đình Tiên Hoàng, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 29/6/2018, Liêm chuyển khoản số tiền 4.500.000.000đ vào tài khoản mang tên Hoàng Thị Th mở tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Lâm Đồng để đặt cọc. Thủy và Liêm thống nhất khi ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản, Liêm sẽ thanh toán tiếp số tiền 24.000.000.000đ, số tiền 1.000.000.000đ còn lại Liêm sẽ thanh toán khi Liêm được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do tài sản nêu trên đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 23.000.000.000đ nên Thủy và Thương đã vay của bà Đoàn Thị Tuyết Lan số tiền 8.500.000.000đ, vay của ông Phan Văn Quang số tiền 15.000.000.000đ để trả khoản vay tại Ngân hàng Công thương. Sau khi giải chấp, Thủy, Thương, Liêm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo nội dung đã thỏa thuận.

Ngày 07/07/2018, Thủy, Thương và Liêm đến Văn phòng công chứng Phạm Thị Thùy Trang để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Số 41 đường Đình Tiên Hoàng, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, Thủy và Liêm đều thống nhất ký hợp đồng chuyển nhượng với giá thấp hơn thực tế để giảm số tiền thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước và được Văn phòng Công chứng Phạm Thị Thùy Trang công chứng với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000đ, đồng thời hai bên ký 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với số tiền giao dịch thực tế là 29.500.000.000đ, hợp đồng này Thủy, Thương và Liêm không yêu cầu công chứng. Sau đó, Liêm chuyển số tiền 24.000.000.000đ từ tài khoản của Liêm tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh qua tài khoản của Thương tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Lâm Đồng. Sau khi

nhận được tiền, Thương đã viết nội dung xác nhận đã nhận đủ số tiền 28.500.000.000đ (hai mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng) của Liêm vào mặt sau của hợp đồng chuyển nhượng không công chứng với giá 29.500.000.000đ (hai mươi chín tỷ năm trăm triệu đồng) mà hai bên đã ký.

Ngày 09/07/2018, Liêm, Thương nộp hồ sơ làm thủ tục sang tên, thẩm định hồ sơ đã nộp, Chi cục thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương tính thuế theo quy định, do giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng đã được công chứng thấp hơn giá tính thuế quy định (theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng) nên Chi cục Thuế xác định giá trị chuyển nhượng là 14.707.311.792đ, để tính thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ, cụ thể:

+ Số thuế thu thập cá nhân phải nộp: $14.707.311.792đ \times 2\% = 294.146.236đ$.

+ Số tiền lệ phí trước bạ nhà, đất phải nộp: $14.707.311.792đ \times 0,5\% = 73.536.559đ$.

Tổng số thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ nhà, đất là 367.682.795đ.

Ngày 02/8/2018, Vũ Quang L được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 318514 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ 18 (C70-I-C) nói trên.

Qua Kết luận giám định ngày 25/9/2020 và Văn bản bổ sung nội dung giám định ngày 21/11/2020 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng xác định:

+ Số tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ phải nộp: 737.500.000đ (trong đó: lệ phí trước bạ phải nộp là $29.500.000.000đ \times 0,5\% = 147.500.000đ$; thuế thu thập cá nhân là $29.500.000.000đ \times 2\% = 590.000.000đ$).

+ Số tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ đã nộp: 367.682.795đ (trong đó: thuế thu nhập cá nhân là 294.146.236đ; lệ phí trước bạ là 73.536.559đ)

+ Số tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước: 369.817.205đ (trong đó: thuế thu nhập cá nhân là 295.853.764đ; lệ phí trước bạ là 73.963.441đ)

Chi cục Thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng yêu cầu truy thu số tiền mà các bị cáo đã trốn thuế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (là vợ của Vũ Quang L) trình bày do tài sản riêng của Vũ Quang L nên bà không tham gia đến giao dịch giữa các bị cáo Liêm, Thương và Thủy

Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng Th, Vũ Quang L về tội “Trốn thuế” theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật

Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS 2015).

Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng Th và Vũ Quang L phạm tội “*Trốn thuế*”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200; điểm i, v khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2022 đến ngày 15/12/2022. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Quang L 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

2. Về Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS 2015

2.1. Buộc bị cáo Hoàng Thị Th phải nộp vào ngân sách nhà nước tại Chi cục Thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng số tiền 295.853.764đ (*hai trăm chín lăm triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi tư đồng*) là tiền trốn thuế.

2.2. Buộc bị cáo Vũ Quang L phải nộp vào ngân sách Nhà nước tại Chi cục Thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng số tiền 73.963.441đ (*bảy mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm bốn mươi một đồng*) là khoản tiền lệ phí trước bạ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/8/2023, bị cáo Hoàng Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 30/8/2023, bị cáo Vũ Quang L kháng cáo xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo hoặc chuyển hình phạt khác nhẹ hơn.

Ngày 31/8/2023, bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển hình phạt khác nhẹ hơn hoặc miễn chấp hành hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tuyên xử đối với các bị cáo, không bị oan. Đồng thời, giữ

nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm. Xác định số tiền trốn thuế là 294.146.236 đồng, đề nghị chuyển khung hình phạt tại khoản 1 Điều 200 BLHS 2015 và áp dụng cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; áp dụng cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Th trình bày luận cứ, thống nhất tội danh “*Trốn thuế*” như bản án sơ thẩm đã tuyên xử, đề nghị Hội đồng xét xử xác định khoản tiền trốn thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân là 294.146.236 đồng, đồng thời tách khoản tiền lệ phí 73.963.441 đồng, khoản tiền này không phải là khoản tiền trốn thuế theo bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo chỉ phạm tội vào khoản 1 Điều 200 BLHS 2015. Đề nghị HĐXX xem xét vai trò tham gia phạm tội của bị cáo Hoàng Thị Th, chỉ vì giúp Nguyễn Thị Hồng Th là em gái nên đã ký vào thủ tục chuyển nhượng, không có hưởng lợi, bị cáo Hoàng Thị Th có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều thành tích trong công tác được tặng thưởng huy chương, bản thân nhiều bệnh tật, kính mong Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 chuyển hình phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th trình bày luận cứ, thống nhất tội danh “*Trốn thuế*” như bản án sơ thẩm đã tuyên xử, thống nhất quan điểm chuyển khung hình phạt tại khoản 1 Điều 200 BLHS 2015 của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, xác định khoản tiền trốn thuế là 294.146.236 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đã nộp số tiền phạt bổ sung 50.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm để khắc phục hậu quả, cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, áp dụng Điều 35 BLHS 2015 phạt tiền, tạo điều kiện cho bị cáo được khắc phục sai phạm của mình.

Hội đồng xét xử công bố nội dung luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Vũ Quang L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Vũ Quang L tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức cho các bị cáo Thương,

Thủy trốn số tiền thuế thu nhập cá nhân. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả, đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, i, s, q khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, chuyển hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo.

Các bị cáo thống nhất nội dung luận cứ bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*sau đây viết là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định nên thời hạn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, xin chuyển hình phạt khác nhẹ hơn .

[2] Xuất phát từ giao dịch dân sự chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Số 41 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 07/07/2018, các bị cáo đã thỏa thuận cùng đến Văn phòng Công chứng Phạm Thị Thùy Trang để ký hợp đồng chuyển nhượng có công chứng với giá thấp hơn giá trị chuyển nhượng thực tế nhằm mục đích để giảm số tiền thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước và yêu cầu Văn phòng Công chứng Phạm Thị Thùy Trang công chứng với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000đ. Bên cạnh đó, hai bên còn ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giá chuyển nhượng thực tế là 29.500.000.000đ nhưng không yêu cầu công chứng. Vũ Quang L đã chuyển số tiền 28.500.000.000đ từ tài khoản của Liêm tại Ngân hàng Sacombank vào tài khoản của Hoàng Thị Th tại Ngân hàng Sacombank. Quá trình thực hiện thủ tục chuyển nhượng, Chi cục Thuế Đà Lạt - Lạc Dương xác định giá trị chuyển nhượng tối thiểu theo quy định đối với tài sản trên là 14.707.311.792đ, để làm căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ. Nhưng thực tế giá chuyển nhượng là 29.500.000.000đ (*hai mươi chín tỷ năm trăm triệu đồng*) đã làm thất thu khoản tiền thuế phải thực hiện đối với nhà nước theo quy định.

Theo Kết luận giám định ngày 25/9/2020 và văn bản bổ sung nội dung giám định ngày 21/11/2020 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng xác định: Số tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ phải nộp: 737.500.000đ (*trong đó: lệ phí trước bạ phải nộp là $29.500.000.000đ \times 0,5\% = 147.500.000đ$; thuế thu nhập cá nhân là $29.500.000.000đ \times 2\% = 590.000.000đ$*). Số tiền thuế thu nhập cá nhân

và lệ phí trước bạ đã nộp: 367.682.795đ (*trong đó: thuế thu nhập cá nhân là 294.146.236đ; lệ phí trước bạ là 73.536.559đ*). Số tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước: 369.817.205đ (*trong đó: thuế thu nhập cá nhân là 295.853.764đ; lệ phí trước bạ là 73.963.441đ*).

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xét xử, không oan. Tội phạm và hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo đã được bản án sơ thẩm phân tích, đánh giá và tuyên bố các bị cáo đã phạm vào tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại Điều 200 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tại điểm b khoản 2 Điều 200 BLHS 2015 đối với tội danh “*Trốn thuế*” tổng cộng số tiền 369.817.205đ. Trong đó, thuế thu nhập cá nhân là 295.853.764đ; lệ phí trước bạ là 73.963.441đ là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 3, Điều 14 và Điều 29 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2014 quy định khoản tiền thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản. Do vậy số tiền thuế trốn thuế cần được xác định là số tiền 295.853.764đ đây chính là khoản nộp vào ngân sách nhà nước bắt buộc của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của Luật quản lý thuế. Về khoản tiền 73.963.441đ lệ phí sang tên trước bạ là khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của Luật quản lý Thuế và Luật phí và lệ phí, không phải là khoản tiền thuế quy định tại các Luật thuế. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và các luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm xác định khoản tiền các bị cáo đã thực hiện hành vi “*Trốn thuế*” với giá trị trốn thuế là 295.853.764đ đối với các bị cáo nhằm đảm bảo quy định của pháp luật hình sự về khách thể của tội danh “*Trốn thuế*”. HĐXX chuyển khung hình phạt tại khoản 1 Điều 200 BLHS 2015 đối với các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Vũ Quang L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, có thái độ hợp tác tích cực với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra nên HĐXX áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo theo quy định tại Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng Th mức án 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Vũ Quang L 12 tháng tù là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng Th thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, HĐXX áp dụng cho các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng Th thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo Vũ Quang L có thời gian công tác trong quân ngũ, có thái độ hợp tác tích cực hợp tác trong quá trình điều tra vụ án nên HĐXX áp dụng cho bị cáo Liêm được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Các bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng thi hành hình phạt theo quy định tại Điều 50 BLHS 2015, nên HĐXX áp dụng Điều 35 BLHS 2015, phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Từ những nhận định trên HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về khung hình phạt và phần hình phạt.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được HĐXX phúc thẩm chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị Th.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Quang L,

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng Th, Vũ Quang L phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 200; điểm i, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000016 ngày 27/11/2023

của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, bị cáo Nguyễn Thị Hồng Th còn phải nộp số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Quang L 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

3. Về *Biện pháp tư pháp*: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3.1. Buộc bị cáo Hoàng Thị Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước tại Chi cục Thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng số tiền trốn thuế 295.853.764đ (*hai trăm chín lăm triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi tư đồng*).

3.2. Kiến nghị Chi cục Thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng truy thu số tiền 73.963.441đ (*bảy mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm bốn mươi một đồng*) đối với bị cáo Vũ Quang L để xử lý khoản tiền phí, lệ phí theo quy định.

4. Về *án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND TP. Đà Lạt (10);
- VKSND TP. Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT CA TP. Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS TP. Đà Lạt (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (07); Luật sư (03);
- Hồ sơ THAHS (03);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng